BỘ THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 24/2010/TT-BTTTT	*Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2010*

THÔNG TƯ
Quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông,

QUY ĐỊNH:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện đã được cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện.

Thông tư này không áp dụng đối với việc sử dụng tần số vô tuyến điện phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh và các trường hợp được miễn giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện quy định tại Điều 27 của Luật Tần số vô tuyến điện.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đài vệ tinh trái đất* là một đài vô tuyến đặt trên bề mặt trái đất hoặc trong tầng khí quyển để liên lạc với đài vệ tinh không gian.

Đài vệ tinh không gian là một đài vô tuyến điện đặt trên vệ tinh nhân tạo của trái đất có quỹ đạo địa tĩnh hoặc phi địa tĩnh.

2. *Đài vô tuyến điện nghiệp dư* là một đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư.

Nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư là nghiệp vụ thông tin vô tuyến điện nhằm mục đích tự đào tạo, nghiên cứu kỹ thuật thông tin do các khai thác viên vô tuyến điện nghiệp dư thực hiện vì sở thích cá nhân, không vì mục đích lợi nhuận và được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

3. *Đài cố định* là một đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ cố định.

Nghiệp vụ cố định là nghiệp vụ thông tin vô tuyến điện giữa các điểm cố định đã xác định trước.

4. *Đài di động* là một đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động, sử dụng lúc chuyển động hoặc tạm dừng ở những điểm không định trước.

Nghiệp vụ di động là nghiệp vụ thông tin vô tuyến điện giữa các đài di động và các đài mặt đất hoặc giữa các đài di động.

Đài mặt đất là một đài thuộc nghiệp vụ di động nhưng không sử dụng trong khi chuyển động.

5. *Đài tàu* là một đài di động có sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động hàng hải đặt trên tàu, thuyền và các phương tiện nổi khác.

Nghiệp vụ di động hàng hải là nghiệp vụ di động giữa đài bờ với đài tàu hoặc giữa các đài tàu với nhau hoặc giữa các đài thông tin trên tàu; các đài cứu nạn và các đài pha vô tuyến chỉ báo vị trí khẩn cấp cũng thuộc nghiệp vụ này.

6. *Đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá* là đài di động đặt trên phương tiện nghề cá, sử dụng tần số dành riêng cho phương tiện nghề cá và các tần số để bảo đảm an toàn trên biển.

7. *Đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá* là đài vô tuyến điện đặt trên đất liền, sử dụng tần số dành riêng cho phương tiện nghề cá để liên lạc với phương tiện nghề cá, không cung cấp dịch vụ viễn thông.

8. *Đài bờ* là đài vô tuyến điện đặt trên đất liền, sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động hàng hải, tần số dành riêng cho phương tiện nghề cá để liên lạc với tàu, thuyền và các phương tiện nổi khác.

9. *Đài truyền thanh không dây* là đài vô tuyến điện truyền tín hiệu âm thanh một chiều từ đài phát đến các cụm loa không dây.

10. *Mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động* là mạng thông tin gồm các đài vô tuyến điện di động hoặc các đài vô tuyến điện cố định và di động do tổ chức, cá nhân thiết lập để phục vụ liên lạc cho các thành viên của mạng, không nhằm mục đích sinh lợi trực tiếp từ hoạt động của mạng.

11. *Mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ* là mạng thông tin gồm các đài vô tuyến điện di động do tổ chức, cá nhân thiết lập tại địa điểm có địa chỉ và phạm vi xác định mà chủ mạng đó được quyền sử dụng để phục vụ liên lạc nội bộ không nhằm mục đích sinh lợi trực tiếp từ hoạt động của mạng.

12. *Cơ quan đại diện nước ngoài* bao gồm cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế tại Việt Nam được hưởng quy chế ưu đãi, miễn trừ ngoại giao.

Điều 3. Cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện

Cục Tần số vô tuyến điện cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện.

Điều 4. Cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện

1. Các thiết bị vô tuyến điện kê khai trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện phải là thiết bị đã được chứng nhận hợp quy theo quy định.

2. Đối với trường hợp cấp giấy phép trực tiếp, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đầy đủ, hợp lệ trước thì được xem xét cấp giấy phép trước.

3. Khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lần đầu giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc khi có thay đổi về tần số được ấn định trong giấy phép thì thời hạn của giấy phép được cấp theo đề nghị của tổ chức, cá nhân, nhưng không vượt quá thời hạn tối đa tương ứng với từng loại giấy phép và bảo đảm phù hợp với các quy hoạch tần số vô tuyến điện.

4. Các giới hạn phát xạ vô tuyến điện trong Giấy phép sử dụng băng tần được quy định theo quy chuẩn kỹ thuật. Trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật thì áp dụng tiêu chuẩn quốc tế và khả năng thực tế của công nghệ để bảo đảm giảm thiểu khả năng gây nhiễu có hại.

5. Tổ chức, doanh nghiệp được cấp Giấy phép sử dụng băng tần có trách nhiệm báo cáo đột xuất, định kỳ cho Cục Tần số vô tuyến điện danh mục thiết bị phát sóng vô tuyến điện sử dụng trong mạng thông tin vô tuyến điện (theo mẫu quy định tại Phụ lục 3).

6. Đối với các trường hợp phải đăng ký, phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện theo quy định tại Điều 41 của Luật Tần số vô tuyến điện, trong thời gian thực hiện đăng ký, phối hợp theo quy định của Liên minh viễn thông quốc tế, Cục Tần số vô tuyến điện chỉ xét cấp giấy phép tạm thời khi tổ chức, cá nhân cam kết bằng văn bản về việc ngừng hoạt động nếu việc đăng ký, phối hợp không thành công. Việc cấp phép chính thức được thực hiện theo kết quả đăng ký, phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện với Liên minh viễn thông quốc tế.

7. Mẫu giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện được quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này.

Điều 5. Gia hạn giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện

1. Trước khi hết hạn ít nhất là 30 ngày đối với Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện, 60 ngày đối với Giấy phép sử dụng băng tần, 90 ngày đối với Giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh, tổ chức, cá nhân phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện để được gia hạn theo đúng quy định. Giấy phép được gia hạn chỉ kéo dài thời hạn sử dụng, các thông số khác của giấy phép không thay đổi.

2. Trường hợp không tuân thủ thời gian quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân muốn tiếp tục sử dụng tần số phải làm thủ tục như thủ tục cấp mới và phải sử dụng tần số mới nếu tần số sử dụng trước đây đã được cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện

Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải làm hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Điều 7. Ngừng sử dụng tần số, thiết bị vô tuyến điện

1. Trong thời hạn còn hiệu lực của giấy phép, nếu tổ chức, cá nhân không còn nhu cầu sử dụng tần số, thiết bị vô tuyến điện thì thông báo bằng văn bản cho Cục Tần số vô tuyến điện.

2. Nội dung thông báo bao gồm thông tin về số của giấy phép ngừng, ngày hết hạn, ngày ngừng sử dụng.

Điều 8. Kê khai và hủy bỏ hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của các tài liệu và nội dung kê khai trong hồ sơ.

Các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện mà Thông tư này không yêu cầu công chứng hoặc chứng thực thì phải được tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép xác nhận là tài liệu do tổ chức, cá nhân đó gửi bằng cách đóng dấu (đối với tổ chức) hoặc ký xác nhận (đối với cá nhân) vào từng tài liệu.

2. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện bị hủy bỏ trong các trường hợp sau:

a) Sau 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ mà Cục Tần số vô tuyến điện không nhận được hồ sơ bổ sung, hoàn thiện của tổ chức, cá nhân.

b) Sau 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo nộp lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện mà tổ chức, cá nhân không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ phí, lệ phí theo quy định để được nhận giấy phép.

Điều 9. Tiếp nhận hồ sơ và cấp phép bằng phương tiện điện tử

Việc tiếp nhận hồ sơ và việc cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện bằng phương tiện điện tử thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và phải đáp ứng quy định về hồ sơ, thủ tục của Thông tư này.

Điều 10. Nộp lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện và nhận giấy phép

Tổ chức, cá nhân chỉ được nhận giấy phép khi đã nộp đủ lệ phí cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép tương ứng và nộp đủ phí sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định.

Chương II

THỦ TỤC CẤP, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THU HỒI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Mục 1

CẤP, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Điều 11. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư

1. Hồ sơ cấp mới gồm:

a) Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1b Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực theo quy định Chứng chỉ khai thác viên vô tuyến điện nghiệp dư được cấp hoặc công nhận theo Quyết định số 18/2008/QĐ-BTTTT ngày 04 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành quy định về hoạt động vô tuyến điện nghiệp dư;

c) Bản sao có chứng thực theo quy định Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép.

2. Hồ sơ gia hạn giấy phép theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

Điều 12. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá

1. Hồ sơ cấp mới gồm:

a) Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1c Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực theo quy định Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép.

2. Hồ sơ gia hạn giấy phép theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

Điều 13. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá

1. Hồ sơ cấp mới gồm:

a) Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1i Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực theo quy định Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép.

2. Hồ sơ gia hạn giấy phép theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

Điều 14. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị phát thanh, truyền hình

1. Đối với tổ chức là cơ quan báo chí

a) Hồ sơ cấp mới gồm:

- Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1d Phụ lục 2 của Thông tư này;

- Bản sao giấy phép hoạt động báo chí đối với nội dung kênh chương trình phát sóng.

b) Hồ sơ gia hạn giấy phép gồm:

- Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1d Phụ lục 2 của Thông tư này;

- Bản sao giấy phép hoạt động báo chí đối với nội dung kênh chương trình phát sóng (nếu giấy phép được cấp trước đây có thay đổi).

c) Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

- Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1d Phụ lục 2 của Thông tư này;

- Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

2. Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình

a) Hồ sơ cấp mới gồm:

- Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1d Phụ lục 2 của Thông tư này;

- Bản sao giấy phép cung cấp dịch vụ truyền dẫn phát sóng phát thanh truyền hình có liên quan theo quy định.

b) Hồ sơ gia hạn giấy phép gồm:

- Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1d Phụ lục 2 của Thông tư này;

- Bản sao giấy phép cung cấp dịch vụ truyền dẫn phát sóng phát thanh truyền hình có liên quan theo quy định (nếu giấy phép được cấp trước đây có thay đổi).

c) Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

- Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1d Phụ lục 2 của Thông tư này;

- Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

3. Đối với tổ chức không phải là cơ quan báo chí phát lại các chương trình phát thanh, truyền hình quảng bá

a) Hồ sơ cấp mới gồm:

- Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1d Phụ lục 2 của Thông tư này;

- Văn bản đồng ý của Sở Thông tin và Truyền thông sở tại đối với việc phát lại chương trình phát thanh, truyền hình của địa phương mình (nêu rõ tên chương trình được phát lại).

Việc phát lại chương trình phát thanh, truyền hình của Trung ương hoặc địa phương khác, Cục Tần số vô tuyến điện xem xét cấp giấy phép trên cơ sở ý kiến đồng ý của Cục quản lý phát thanh truyền hình và thông tin điện tử - Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Hồ sơ gia hạn giấy phép gồm:

Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1d Phụ lục 2 của Thông tư này.

c) Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

- Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1d Phụ lục 2 của Thông tư này;

- Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

Điều 15. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây

1. Hồ sơ cấp mới gồm:

a) Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1đ Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Văn bản đồng ý của Sở Thông tin và Truyền thông sở tại đối với việc truyền tải thông tin bằng đài truyền thanh không dây.

2. Hồ sơ gia hạn giấy phép theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

Điều 16. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với tuyến truyền dẫn vi ba

1. Hồ sơ cấp mới gồm:

a) Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1e Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Bản sao giấy phép thiết lập mạng viễn thông có liên quan theo quy định.

2. Hồ sơ gia hạn giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Bản sao giấy phép thiết lập mạng viễn thông có liên quan theo quy định (nếu giấy phép được cấp trước đây có thay đổi).

3. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

Điều 17. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vệ tinh trái đất (trừ trường hợp quy định tại Điều 18 của Thông tư này và đài vệ tinh trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển)

1. Hồ sơ cấp mới gồm:

a) Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1f Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Bản sao giấy phép thiết lập mạng viễn thông có liên quan theo quy định (áp dụng cho đài vệ tinh trái đất thuộc mạng viễn thông đã được cấp giấy phép); hoặc

Bản sao công chứng hoặc chứng thực theo quy định Hợp đồng sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh (áp dụng cho đài vệ tinh trái đất hoạt động độc lập của tổ chức, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của các doanh nghiệp viễn thông đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép); hoặc

Bản sao giấy phép cung cấp dịch vụ truyền dẫn phát sóng phát thanh truyền hình qua vệ tinh theo quy định (áp dụng đối với cơ quan báo chí, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn phát sóng phát thanh truyền hình); hoặc

Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (áp dụng đối với tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh ngoài biển, công ty đa quốc gia, cơ quan Chính phủ, khu phát triển phần mềm và khu công nghệ cao khi sử dụng vệ tinh khu vực hoặc quốc tế); hoặc

Bản sao có chứng thực văn bản do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định (áp dụng đối với tổ chức, doanh nghiệp được phép tham gia hoạt động bảo đảm an toàn hàng không, an toàn hàng hải theo quy định của Tổ chức Hàng không thế giới - ICAO, Tổ chức Hàng hải thế giới - IMO khi sử dụng vệ tinh khu vực hoặc quốc tế).

2. Hồ sơ gia hạn giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Bản sao một trong các giấy tờ tương ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này (nếu giấy tờ yêu cầu tương ứng trước đây có thay đổi).

3. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

Điều 18. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện của Cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn đại biểu cấp cao nước ngoài được hưởng quy chế ưu đãi, miễn trừ ngoại giao, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn

1. Việc cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho đài vệ tinh trái đất của Cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn đại biểu cấp cao nước ngoài đến thăm Việt Nam được hưởng quy chế ưu đãi, miễn trừ ngoại giao và phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ cho đoàn thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2006/TTLT-BBCVT-BNG-BCA ngày 03/3/2006 hướng dẫn việc cấp giấy phép sử dụng đài thông tin vệ tinh (được gọi là đài vệ tinh trái đất trong Thông tư này) cho cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn đại biểu nước ngoài, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn đại biểu nước ngoài.

2. Đối với đài vô tuyến điện (trừ đài vệ tinh trái đất) của Cơ quan đại diện nước ngoài

a) Hồ sơ cấp mới gồm:

- Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu tương ứng quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này;

- Bản sao giấy phép thiết lập mạng viễn thông có liên quan theo quy định;

- Văn bản đề nghị của Bộ Ngoại giao (đối với đài vô tuyến điện của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự).

b) Hồ sơ gia hạn giấy phép gồm:

- Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu tương ứng quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này;

- Bản sao giấy phép thiết lập mạng viễn thông có liên quan theo quy định (nếu giấy phép được cấp trước đây có thay đổi).

c) Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

- Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu tương ứng quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này;

- Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

3. Đối với đài vô tuyến điện (trừ đài vệ tinh trái đất) của đoàn đại biểu cấp cao nước ngoài được hưởng quy chế ưu đãi, miễn trừ ngoại giao, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn

a) Hồ sơ cấp mới gồm:

- Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1k Phụ lục 2 của Thông tư này;

- Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản đón đoàn.

b) Hồ sơ gia hạn giấy phép gồm:

Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1k Phụ lục 2 của Thông tư này.

c) Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

- Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1k Phụ lục 2 của Thông tư này;

- Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

Điều 19. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động

1. Hồ sơ cấp mới gồm:

a) Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1g Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Bản sao giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng có liên quan theo quy định (không áp dụng đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ);

c) Bản sao có chứng thực theo quy định Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép.

2. Hồ sơ gia hạn giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Bản sao giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng có liên quan theo quy định (nếu giấy phép được cấp trước đây có thay đổi).

3. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

Điều 20. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (không áp dụng đối với đài vệ tinh trái đất không thuộc hệ thống GMDSS)

1. Hồ sơ cấp mới gồm:

a) Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1h Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực theo quy định Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép.

2. Hồ sơ gia hạn giấy phép theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

Điều 21. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị vô tuyến điện dùng cho mục đích giới thiệu công nghệ tại triển lãm, hội chợ

1. Hồ sơ cấp mới gồm:

a) Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1k Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Bản sao văn bản cho phép tạm nhập tái xuất thiết bị vô tuyến điện do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp.

2. Hồ sơ gia hạn giấy phép theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

Điều 22. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài cố định, đài bờ (không liên lạc với vệ tinh), thiết bị riêng lẻ và các trường hợp không quy định tại các Điều 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 và Điều 21 của Thông tư này

1. Hồ sơ cấp mới gồm:

a) Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu 1a Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Bản sao giấy phép thiết lập mạng viễn thông có liên quan theo quy định;

c) Bản sao có chứng thực theo quy định Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép.

2. Hồ sơ gia hạn giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Bản sao giấy phép thiết lập mạng viễn thông có liên quan theo quy định (nếu giấy phép được cấp trước đây có thay đổi).

3. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

Điều 23. Thời gian giải quyết cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

1. Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cho đài vô tuyến điện nghiệp dư, đài tàu, đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá, Cục Tần số vô tuyến điện giải quyết cấp, gia hạn sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cho các trường hợp còn lại, Cục Tần số vô tuyến điện giải quyết cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Trường hợp đặc biệt, khi hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện của cùng một tổ chức, cá nhân gửi trong vòng 20 ngày làm việc có số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số

thì trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số số vô tuyến điện thông báo bằng văn bản lý do và dự kiến thời gian giải quyết (tối đa không quá 6 tháng) cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép.

3. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

4. Trường hợp từ chối cấp giấy phép, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

5. Đối với trường hợp phải thay đổi tần số do không xử lý được nhiễu có hại, thời hạn giải quyết cấp giấy phép không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận về xử lý nhiễu có hại.

Điều 24. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và giao nhận giấy phép

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện nộp hồ sơ và nhận giấy phép tại một trong các cơ quan sau:

1. Cục Tần số vô tuyến điện;

2. Các Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục Tần số vô tuyến điện;

3. Các cơ quan phối hợp khác do Cục Tần số vô tuyến điện ủy quyền.

Mục 2

CẤP, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN

Điều 25. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng băng tần

1. Hồ sơ cấp mới gồm:

a) Đối với tổ chức, doanh nghiệp đã thắng trong đấu giá hoặc trúng tuyển trong thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện thì không phải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sử dụng băng tần và được cấp Giấy phép sử dụng băng tần sau khi đã được cấp giấy phép viễn thông có liên quan;

b) Đối với tổ chức, doanh nghiệp được xét cấp giấy phép theo hình thức cấp giấy phép trực tiếp, hồ sơ gồm:

- Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng băng tần theo mẫu 2 Phụ lục 2 của Thông tư này;

- Bản sao giấy phép viễn thông có liên quan theo quy định.

2. Hồ sơ gia hạn giấy phép gồm:

a) Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng băng tần theo mẫu 2 Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Bản sao giấy phép viễn thông có liên quan theo quy định (nếu giấy phép viễn thông được cấp trước đây có thay đổi).

3. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

a) Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng băng tần theo mẫu 2 Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

Điều 26. Thời gian giải quyết cấp Giấy phép sử dụng băng tần

1. Cục Tần số vô tuyến điện giải quyết cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng băng tần như sau:

a) Đối với trường hợp đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện: cấp mới trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày doanh nghiệp thắng trong đấu giá hoặc trúng tuyển trong thi tuyển được cấp giấy phép viễn thông; gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép trong thời hạn không quá 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Không áp dụng quy định này khi trong Quy định về đấu giá, thi tuyển có quy định riêng.

b) Đối với trường hợp cấp giấy phép trực tiếp: cấp mới, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép trong thời hạn không quá 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

3. Trường hợp từ chối cấp giấy phép, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 27. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và giao nhận Giấy phép sử dụng băng tần

Cơ quan nhận hồ sơ và giao nhận Giấy phép sử dụng băng tần: Cục Tần số vô tuyến điện.

Mục 3

CẤP, GIA HẠN, SỬA ĐỔI BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH

Điều 28. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh

1. Hồ sơ cấp mới gồm:

a) Bản khai đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh theo mẫu 3 Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Bản sao giấy phép thiết lập mạng viễn thông có liên quan theo quy định.

2. Hồ sơ gia hạn giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Bản sao giấy phép thiết lập mạng viễn thông có liên quan theo quy định (nếu giấy phép được cấp trước đây có thay đổi).

3. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép gồm:

a) Bản khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Các tài liệu giải thích nội dung cần sửa đổi, bổ sung (khi được yêu cầu).

Điều 29. Thời gian giải quyết cấp giấy phép

1. Cục Tần số vô tuyến điện thẩm định và giải quyết cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép trong thời hạn không quá 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

2. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

3. Trường hợp từ chối cấp giấy phép, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 30. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và giao nhận giấy phép

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và giao nhận Giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh: Cục Tần số vô tuyến điện.

Mục 4
THU HỒI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Điều 31. Thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện

1. Việc thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về tần số vô tuyến điện theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật Tần số vô tuyến điện được quy định như sau:

a) Đối với các trường hợp quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 23 của Luật Tần số vô tuyến điện, việc thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện căn cứ vào quyết định của Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Đối với các trường hợp quy định tại các điểm c, d và e khoản 1 Điều 23 của Luật Tần số vô tuyến điện, việc thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện căn cứ vào kết luận của Thanh tra hoặc kết quả kiểm tra tần số vô tuyến điện hoặc quyết định của Tòa án;

c) Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 23 của Luật Tần số vô tuyến điện, việc thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện được thực hiện nếu sau 60 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền gửi thông báo về phí, lệ phí hoặc về các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định mà tổ chức, cá nhân không nộp đủ phí, lệ phí tần số vô tuyến điện hoặc không thực hiện các nghĩa vụ tài chính.

2. Tổ chức, cá nhân phải ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Quyết định thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện của Cục Tần số vô tuyến điện.

3. Danh sách tổ chức, cá nhân có giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện bị thu hồi và lý do thu hồi được đăng công khai trên trang thông tin điện tử của Cục Tần số vô tuyến điện.

Chương III
CHO THUÊ, CHO MƯỢN THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Điều 32. Quy định về cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện

1. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu tàu biển, tàu bay, tàu sông, phương tiện nghề cá, đài vô tuyến điện nghiệp dư và chủ sở hữu các phương tiện giao thông khác có trang bị thiết bị vô tuyến điện (trừ đài vệ tinh trái đất) có thể cho tổ chức, cá nhân khác thuê, mượn thiết bị vô tuyến điện đã được cấp giấy phép của mình để khai thác.

2. Bên cho thuê, cho mượn và bên thuê, bên mượn thiết bị vô tuyến điện phải tuân thủ quy định trong Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện, quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Các hành vi vi phạm pháp luật về tần số vô tuyến điện của bên thuê, bên mượn, bên cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện xử lý theo quy định.

3. Bên cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện có trách nhiệm:

a) Bảo đảm bên thuê, bên mượn thiết bị vô tuyến điện không thuộc danh sách bị thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện được thông báo công khai theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Thông tư này;

b) Kiểm tra, lưu giữ trong quá trình cho thuê, cho mượn và sau khi chấm dứt việc cho thuê, cho mượn 1 năm các hồ sơ, tài liệu sau:

- Bản sao có chứng thực theo quy định Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn của cá nhân thuê, mượn; hoặc

- Bản sao có chứng thực theo quy định Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của tổ chức thuê, mượn;

- Bản sao có chứng thực theo quy định Chứng chỉ vô tuyến điện viên của bên thuê, bên mượn;

- Hợp đồng cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện.

Điều 33. Điều kiện để được thuê, mượn thiết bị vô tuyến điện

1. Đối tượng thuê, mượn thiết bị vô tuyến điện là tổ chức, công dân Việt Nam; tổ chức nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; người nước ngoài sử dụng đài vô tuyến điện nghiệp dư.

2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng hải, di động hàng không, vô tuyến điện nghiệp dư của bên thuê, bên mượn phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên.

3. Đối tượng thuê, mượn thiết bị vô tuyến điện không thuộc danh sách bị thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện được thông báo công khai theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Thông tư này.

Điều 34. Hợp đồng cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện

1. Hợp đồng cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện ngoài việc tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan phải bao gồm các thông tin sau:

a) Tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của bên thuê, bên mượn;

b) Số của Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện;

c) Tần số sử dụng, thời gian liên lạc;

d) Thời hạn cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện;

đ) Ngày bàn giao thiết bị vô tuyến điện.

2. Trường hợp có thay đổi về nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc thay đổi thông tin quy định tại khoản 1 Điều này thì phải sửa đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng cho phù hợp.

3. Trong vòng 7 ngày làm việc sau khi Hợp đồng cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung hoặc bị hủy bỏ, tổ chức, cá nhân cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện phải thông báo bằng văn bản cho Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực sở tại về việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ Hợp đồng.

Điều 35. Thủ tục cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện

1. Tổ chức, cá nhân cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện lập hồ sơ cho thuê, cho mượn. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản thông báo về việc cho thuê, cho mượn;

b) Hợp đồng cho thuê, cho mượn.

2. Trước khi bàn giao thiết bị vô tuyến điện cho bên thuê, mượn thiết bị vô tuyến điện ít nhất 5 ngày làm việc, tổ chức, cá nhân cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện phải gửi Hồ sơ cho thuê, cho mượn đến Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực sở tại.

3. Thủ tục thuê, mượn thiết bị vô tuyến điện nghiệp dư để liên lạc tại những địa điểm khác với quy định trong giấy phép và việc di chuyển đài vô tuyến điện nghiệp dư đến địa phương khác để khai thác thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 21 Quyết định số 18/2008/QĐ-BTTTT ngày 04 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành "Quy định về hoạt động vô tuyến điện nghiệp dư".

Chương IV
SỬ DỤNG CHUNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Điều 36. Trường hợp phải sử dụng chung tần số vô tuyến điện

Tổ chức, cá nhân sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện thuộc các trường hợp sau đây phải sử dụng chung tần số vô tuyến điện với tổ chức cá nhân khác theo đúng quy định của Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện:

1. Mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động có công suất phát từ 5w trở xuống (không áp dụng với mạng thông tin vô tuyến điện mà việc sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện có liên quan đến an toàn tính mạng con người; mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ);

2. Đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá;

3. Đài bờ (không cung cấp dịch vụ viễn thông, dịch vụ công ích trên biển).

Điều 37. Quy định về khai thác trên tần số sử dụng chung

1. Tuân thủ nguyên tắc đàm thoại chỉ phục vụ công việc, đúng đối tượng, đúng mục đích sử dụng trong giấy phép.

2. Chỉ thiết lập cuộc gọi khi kênh tần số vô tuyến điện đang trong tình trạng rỗi, không có người sử dụng trừ khi liên quan đến cấp cứu, an toàn tính mạng con người.

3. Phải sử dụng hô hiệu được quy định trong Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện.

4. Phải bảo đảm thời gian liên lạc ngắn gọn nhất, không vượt quá 5 phút đối với mỗi cuộc đàm thoại.

Điều 38. Quy trình khai thác trên các tần số sử dụng chung

1. Trước khi phát, phải lắng nghe trên tần số dự định phát để đảm bảo tần số này đang rỗi.

2. Phát hô hiệu tại đầu và cuối mỗi cuộc gọi.

3. Được phép chuyển sang tần số dự phòng (quy định trong giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện) trong trường hợp tần số ấn định chính bị nhiễu hoặc đang có tổ chức, cá nhân khác sử dụng.

Điều 39. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng chung tần số

1. Sử dụng mã hóa hoặc các biện pháp kỹ thuật khác để bảo đảm giữ bí mật thông tin theo mã do Cục Tần số vô tuyến điện cấp (đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng mã hóa).

2. Thông báo cho Cục Tần số vô tuyến điện khi phát hiện việc khai thác trên tần số sử dụng chung không đúng quy định.

3. Không được cố ý thu và sử dụng thông tin thu được từ các đài vô tuyến điện khác sử dụng chung tần số vô tuyến điện.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 40. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/12/2010.

2. Bãi bỏ Thông tư số 02/2008/TT-BTTTT ngày 04 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về cấp giấy phép băng tần.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét, bổ sung, sửa đổi./.

BỘ TRƯỞNG

Lê Doãn Hợp

Phụ lục 1
CÁC MẪU GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

(Kèm theo Thông tư số 24/2010/TT-BTTTT ngày 28 tháng 10 năm 2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

Mẫu 1a

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../GP	*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Cấp lần đầu ngày.....
Có giá trị đến hết ngày.....

CỤC TRƯỞNG CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

- Căn cứ Quyết định số 88/2008/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số Vô tuyến điện;

- Căn cứ Thông tư số.../2010/TT-BTTTT ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;

- Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của.... (tên tổ chức, cá nhân).....

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức (hoặc cá nhân):

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo các quy định sau đây:

1. Mục đích sử dụng:

2. Loại nghiệp vụ:

3. Thiết bị phát sóng:

Loại thiết bị:

Công suất phát: Phương thức phát:

4. Địa điểm lắp đặt thiết bị:

5. Ăng-ten phát:

Kiểu: Kích thước (m): Độ cao (m):

Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°): Hệ số khuếch đại (dBi):

Vị trí lắp đặt: Kinh độ: E ′ ″ Vĩ độ: N ′ ″

6. Tần số ấn định:

Tần số phát: Tần số thu:

7. Mã tone (pulse):

8. Hô hiệu (hoặc nhận dạng):

9. Giờ hoạt động:

10. Đối tượng liên lạc:

11. Các điều kiện khác:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, tổ chức (cá nhân) có trách nhiệm:

- Chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;

- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin;

- Nộp lệ phí giấy phép, phí sử dụng tần số theo quy định./.

CỤC TRƯỞNG

Mẫu 1b

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../GP	*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Cấp lần đầu ngày.....

Có giá trị đến hết ngày.....

CỤC TRƯỞNG CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

- Căn cứ Quyết định số 88/2008/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số Vô tuyến điện;

- Căn cứ Thông tư số.../2010/TT-BTTTT ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;

- Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của....(tên tổ chức, cá nhân).....

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức (hoặc cá nhân):

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện nghiệp dư theo các quy định sau đây:

1. Mục đích sử dụng:

2. Loại nghiệp vụ:

3. Thiết bị phát sóng:

- Loại thiết bị/Công suất phát ra ăng-ten (w):

- Địa điểm lắp đặt thiết bị:

- Băng tần số (hoặc tần số) ấn định:

- Phương thức phát:

4. Hô hiệu (hoặc nhận dạng):

5. Giờ hoạt động:

6. Đối tượng liên lạc:

7. Các điều kiện khác:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, tổ chức (cá nhân) có trách nhiệm:

- Chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;

- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin;

- Nộp lệ phí giấy phép, phí sử dụng tần số theo quy định./.

CỤC TRƯỞNG

Mẫu 1c

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GP

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

(Đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá)

Cấp lần đầu ngày.....

Có giá trị đến hết ngày.....

1. Tổ chức (hoặc cá nhân):

2. CMTND số **Ngày cấp** **Nơi cấp**

3. Địa chỉ:

4. Số đăng ký:

5. Tên thiết bị:

6. Công suất phát của thiết bị (w):

7. Dải tần của thiết bị:

CỤC TRƯỞNG

HƯỚNG DẪN KHAI THÁC

1. Tần số làm việc

2. Tần số gọi bắt liên lạc và phát tin cấp cứu

3. Tần số thu dự báo thiên tai

4. Tần số liên lạc với Đồn biên phòng

5. Các tần số cấp cứu hàng hải quốc tế.

Mẫu 1d

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GP

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Cấp lần đầu ngày.....
Có giá trị đến hết ngày.....

CỤC TRƯỞNG CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

- Căn cứ Quyết định số 88/2008/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số Vô tuyến điện;

- Căn cứ Thông tư số.../2010/TT-BTTTT ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;

- Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của....(tên tổ chức, cá nhân).....

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Cơ quan, tổ chức:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện phát thanh, truyền hình theo các quy định sau:

1. Mục đích sử dụng:

2. Loại nghiệp vụ:

3. Tần số ấn định:

Kênh:

Tần số sóng mang:

4. Thiết bị phát sóng:

Công suất phát:

Phương thức phát:

Hệ tiêu chuẩn:

5. Ăng-ten phát:

Kiểu: Phân cực: Độ cao (m):

Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°): Hệ số khuếch đại (dBi):

Vị trí lắp đặt: Kinh độ: E ′ ″ Vĩ độ: N ′ ″

6. Công suất phát xạ hiệu dụng ERP:

7. Địa điểm lắp đặt thiết bị:

8. Hô hiệu (hoặc nhận dạng):

9. Giờ hoạt động:

10. Các điều kiện khác:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, cơ quan (tổ chức) có trách nhiệm:

- Chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;

- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin;

- Nộp lệ phí giấy phép, phí sử dụng tần số theo quy định./.

CỤC TRƯỞNG

Mẫu 1đ

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../GP	*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ PHÁT SÓNG VÔ TUYẾN ĐIỆN

Cấp lần đầu ngày.....

Có giá trị đến hết ngày.....

CỤC TRƯỞNG CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

- Căn cứ Quyết định số 88/2008/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số Vô tuyến điện;

- Căn cứ Thông tư số.../2010/TT-BTTTT ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;

- Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của....(tên tổ chức, cá nhân).....

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Cơ quan, tổ chức:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện truyền thanh không dây theo các quy định sau đây:

1. Mục đích sử dụng:

2. Loại nghiệp vụ:

3. Tần số ấn định (MHz):

4. Thiết bị phát sóng:

Tên thiết bị:

Công suất phát:

Phương thức phát:

5. Ăng-ten phát:

Độ cao (m):

Vị trí lắp đặt: Kinh độ: E ′ ″ Vĩ độ: N ′ ″

6. Công suất phát xạ hiệu dụng ERP:

7. Địa điểm lắp đặt thiết bị:

8. Điều kiện sử dụng:

9. Các điều kiện khác:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, cơ quan (tổ chức) có trách nhiệm:

- Chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;

- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin;

- Nộp lệ phí giấy phép, phí sử dụng tần số theo quy định./.

CỤC TRƯỞNG

Mẫu 1e

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../GP	*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Cấp lần đầu ngày.....

Có giá trị đến hết ngày.....

CỤC TRƯỞNG CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

- Căn cứ Quyết định số 88/2008/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số Vô tuyến điện;

- Căn cứ Thông tư số.../2010/TT-BTTTT ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;

- Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của....(tên tổ chức, cá nhân).....

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Cơ quan, tổ chức:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho tuyến viba..... theo các quy định sau:

1. Mục đích sử dụng

2. Loại nghiệp vụ:

3. Đặc điểm và thông số kỹ thuật của từng thiết bị phát sóng:

3.1. Thiết bị phát sóng:	**Thiết bị thứ nhất**	**Thiết bị thứ hai**
Tên thiết bị		
Công suất phát (dBm)		

Phương thức phát		
3.2. Địa điểm lắp đặt thiết bị		
3.3. An ten (Kiểu ăng-ten)		
Kích thước (m)		
Độ cao so với mặt đất (m)		
Phân cực		
Hệ số khuếch đại (dBi)		
Vị trí lắp đặt: Kinh độ/Vĩ độ	E ′ ″/N ′ ″	E ′ ″/N ′ ″
3.4. Tần số ấn định (MHz)		
Độ rộng băng tần ấn định (MHz)		
Tốc độ truyền (Mb/s)		
3.5. Hô hiệu (hoặc nhận dạng)		

4. Các điều kiện khác:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, cơ quan (tổ chức) có trách nhiệm:

- Chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;

- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin;

- Nộp lệ phí giấy phép, phí sử dụng tần số theo quy định./.

CỤC TRƯỞNG

Mẫu 1f

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GP

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Cấp lần đầu ngày.....
Có giá trị đến hết ngày.....

CỤC TRƯỞNG CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

- Căn cứ Quyết định số 88/2008/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số Vô tuyến điện;

- Căn cứ Thông tư số.../2010/TT-BTTTT ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;

- Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của....(tên tổ chức, cá nhân).....

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Cơ quan, tổ chức:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện thông tin vệ tinh theo các quy định sau đây:

1. Mục đích sử dụng:

2. Loại nghiệp vụ:

3. Thiết bị phát sóng:

Loại thiết bị:

Công suất phát: Phương thức phát:

Địa điểm lắp đặt thiết bị:

4. Ăng-ten phát:

Kiểu: Kích thước (m): Độ cao (m):

Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°): Góc ngẩng (°):

Phân cực: Hệ số khuếch đại (dBi):

Vị trí lắp đặt: Kinh độ: E ′ ″ Vĩ độ: N ′ ″

5. Tần số ấn định:

Tần số (băng tần) phát:

Tần số (băng tần) thu:

Độ rộng băng tần ấn định (MHz):

6. Hô hiệu (hoặc nhận dạng):

7. Vệ tinh liên lạc: Vị trí quỹ đạo:

8. Các điều kiện khác:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, cơ quan (tổ chức) có trách nhiệm:

- Chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;

- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin;

- Nộp lệ phí giấy phép, phí sử dụng tần số theo quy định./.

CỤC TRƯỞNG

Mẫu 1g

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GP

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Cấp lần đầu ngày.....
Có giá trị đến hết ngày.....

CỤC TRƯỞNG CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

- Căn cứ Quyết định số 88/2008/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số Vô tuyến điện;

- Căn cứ Thông tư số.../2010/TT-BTTTT ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;

- Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của.... (tên tổ chức, cá nhân).....

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Cơ quan (tổ chức):

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mạng viễn thông dùng riêng có sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động theo các quy định sau đây:

1. Mục đích sử dụng:

2. Loại nghiệp vụ:

3. Thiết bị phát sóng: *(Quy định tại Danh mục)*

4. Tổng số thiết bị trong mạng:

5. Phạm vi được phép phát sóng:

Trung tâm vùng lưu động (mạng nội bộ): Kinh độ: E ′ ″ Vĩ độ: N ′ ″

6. Tần số ấn định và phương thức phát:

6.1. Tần số ấn định (MHz):

6.2. Phương thức phát:

6.3. Mã tone (pulse):

7. Giờ hoạt động:

8. Các điều kiện khác:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, cơ quan (tổ chức) có trách nhiệm:

- Chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;

- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin;

- Nộp lệ phí giấy phép, phí sử dụng tần số theo quy định./.

CỤC TRƯỞNG

DANH MỤC THIẾT BỊ

Thiết bị đặt cố định:

STT	Thiết bị	Địa điểm đặt	Công suất phát (w)	Ăng-ten phát						Tần số (MHz)		Hô hiệu
				Kiểu	Kích thước (m)	Độ cao (m)	Hệ số khuếch đại (dBi)	Kinh độ	Vĩ độ	Phát	Thu	

Thiết bị di động:

Công suất phát lớn nhất (w)	Hệ số khuếch đại ăng-ten lớn nhất (dBi)	Độ cao ăng - ten lớn nhất (m)	Tần số (MHz)	
			Phát	Thu
Các hô hiệu				

Mẫu 1h

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../GP	*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN
(SHIP STATION LICENCE)

Cấp lần đầu ngày.....

Có giá trị đến hết ngày.....

CỤC TRƯỞNG CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

- Căn cứ Quyết định số 88/2008/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số Vô tuyến điện;

- Căn cứ Thông tư số.../2010/TT-BTTTT ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;

- Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của....(tên tổ chức, cá nhân).....

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức (hoặc cá nhân):

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đài tàu biển theo các quy định sau đây:

TÊN TÀU BIỂN	NHẬN DẠNG ĐÀI TÀU BIỂN			CHỦ TÀU BIỂN	MÃ NHẬN DẠNG CƠ QUAN THANH TOÁN VIỄN THÔNG QUỐC TẾ
	Hô hiệu	MMSI	Nhận dạng khác		

LOẠI THIẾT BỊ (MF, HF, VHF)	TÊN THIẾT BỊ	CÔNG SUẤT (W)	PHƯƠNG THỨC PHÁT	BĂNG TẦN HOẶC TẦN SỐ ẤN ĐỊNH

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, tổ chức (cá nhân) có trách nhiệm chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam và Thể lệ vô tuyến điện Quốc tế về sử dụng tần số, thiết bị phát sóng vô tuyến điện. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp hoặc công nhận./.

CỤC TRƯỞNG

Mẫu 1i

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GP

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Cấp lần đầu ngày.....
Có giá trị đến hết ngày.....

CỤC TRƯỞNG CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

- Căn cứ Quyết định số 88/2008/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số Vô tuyến điện;

- Căn cứ Thông tư số.../2010/TT-BTTTT ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;

- Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của....(tên tổ chức, cá nhân).....

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức (cá nhân):

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo các quy định sau đây:

1. Thiết bị:

2. Công suất phát:

3. Ăng-ten phát:

Kiểu: **Kích thước:** **Độ cao:**

4. Địa điểm lắp đặt:

5. Tần số ấn định:

5.1. Tần số gọi:

5.2. Tần số liên lạc:

5.3. Mã tone (pulse):

6. Hô hiệu hoặc nhận dạng:

7. Đối tượng liên lạc:

8. Các điều kiện khác:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, cơ quan (tổ chức) có trách nhiệm:

- Chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;

- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin;

- Nộp lệ phí giấy phép, phí sử dụng tần số theo quy định./.

CỤC TRƯỞNG

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG TẦN SỐ

1. Tần số gọi

2. Tần số liên lạc

3. Tần số thu tin cấp cứu, an toàn cứu nạn

4. Lưu ý

Mẫu 1l

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GP

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Cấp lần đầu ngày.....
Có giá trị đến hết ngày.....

CỤC TRƯỞNG CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

- Căn cứ Quyết định số 88/2008/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số Vô tuyến điện;

- Căn cứ Thông tư số.../2010/TT-BTTTT ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;

- Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của....(tên tổ chức, cá nhân).....

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức (cá nhân):

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo các quy định sau đây:

1. Mục đích sử dụng:

2. Loại nghiệp vụ:

3. Tổng số thiết bị trong mạng:

4. Thiết bị phát sóng: *(Quy định tại Danh mục)*

5 Tần số ấn định: *(Quy định tại Danh mục)*

6. Mã tone (pulse):

7. Phương thức phát:

8. Số thiết bị sử dụng:

9. Giờ hoạt động:

10. Đối tượng liên lạc:

11. Các điều kiện khác:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, cơ quan (tổ chức) có trách nhiệm:

- Chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;

- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin;

- Nộp lệ phí giấy phép, phí sử dụng tần số theo quy định./.

CỤC TRƯỞNG

DANH MỤC THIẾT BỊ

Thiết bị đặt cố định:

STT	Thiết bị	Địa điểm đặt	Công suất phát (w)	Ăng-ten phát						Tần số (MHz)		Hô hiệu
				Kiểu	Kích thước (m)	Độ cao (m)	Hệ số khuếch đại (dBi)	Kinh độ	Vĩ độ	Phát	Thu	

Thiết bị di động:

Công suất phát lớn nhất (w)	Hệ số khuếch đại ăng-ten lớn nhất (dBi)	Độ cao ăng-ten lớn nhất (m)	Tần số (MHz)	
			Phát	Thu
Các hô hiệu				

Mẫu 2

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../GP	*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN

Cấp lần đầu ngày.....
Có giá trị đến hết ngày.....

CỤC TRƯỞNG CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

- Căn cứ Quyết định số 88/2008/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số Vô tuyến điện;

- Căn cứ Thông tư số.../2010/TT-BTTTT ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;

- Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của....(tên tổ chức, cá nhân).....

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức (hoặc doanh nghiệp):

Được sử dụng đoạn băng tần (hoặc kênh tần số) theo các quy định sau đây*:*

1. Mục đích sử dụng:

2. Loại nghiệp vụ:

3. Băng tần hoạt động:

4. Phạm vi phủ sóng:

5. Các mức giới hạn phát xạ:

Điều 2. Tổ chức, doanh nghiệp phải đăng ký danh mục các thiết bị phát sóng vô tuyến điện (theo mẫu quy định) và báo cáo, bổ sung kịp thời các nội dung thay đổi về tham số kỹ thuật, thiết bị phát sóng vô tuyến điện sử dụng trong mạng thông tin vô tuyến điện.

Điều 3. Quy định điều kiện khai thác và các điều kiện khác./.

CỤC TRƯỞNG

Mẫu 3a

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../GP	*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH

Cấp lần đầu ngày.....
Có giá trị đến hết ngày.....

CỤC TRƯỞNG CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

- Căn cứ Quyết định số 88/2008/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số Vô tuyến điện;

- Căn cứ Thông tư số.../2010/TT-BTTTT ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;

- Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của.....

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức (Doanh nghiệp):

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh địa tĩnh theo các quy định sau đây:

1. Tên vệ tinh (tên thương mại):

2. Vị trí quỹ đạo:

3. Vùng phủ sóng/vùng dịch vụ:

4. Băng tần vệ tinh:

5. Số bộ phát đáp:

6. Hồ sơ mạng vệ tinh đăng ký với ITU:

7. Ngày phóng vệ tinh:

8. Tên tổ chức (doanh nghiệp) sở hữu quả vệ tinh:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, tổ chức (doanh nghiệp) có trách nhiệm:

- Chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng tần số, quỹ đạo vệ tinh và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;

- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin;

- Chấp hành các quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số, quỹ đạo vệ tinh.

- Nộp lệ phí giấy phép, phí sử dụng tần số, quỹ đạo vệ tinh theo quy định./.

CỤC TRƯỞNG

Mẫu 3b

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GP

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH

Cấp lần đầu ngày.....
Có giá trị đến hết ngày.....

CỤC TRƯỞNG CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

- Căn cứ Quyết định số 88/2008/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số Vô tuyến điện;

- Căn cứ Thông tư số.../2010/TT-BTTTT ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;

- Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của.....

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức (Doanh nghiệp):

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh phi địa tĩnh theo các quy định sau đây:

1. Tên vệ tinh (tên thương mại):

2. Số mặt phẳng quỹ đạo:

Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo:	Góc nghiêng	Số vệ tinh trong mặt phẳng quỹ đạo này	Chu kỳ	Điểm Cực viễn (Km)	Điểm Cực cận (Km)

3. Vùng phủ sóng/vùng dịch vụ:

4. Băng tần vệ tinh:

5. Số bộ phát đáp:

6. Hồ sơ mạng vệ tinh đăng ký với ITU:

7. Ngày phóng vệ tinh:

8. Tên tổ chức (doanh nghiệp) sở hữu quả vệ tinh:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, tổ chức (doanh nghiệp) có trách nhiệm:

- Chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng tần số, quỹ đạo vệ tinh và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;

- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin;

- Chấp hành các quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số, quỹ đạo vệ tinh.

- Nộp lệ phí giấy phép, phí sử dụng tần số, quỹ đạo vệ tinh theo quy định./.

CỤC TRƯỞNG

Phụ lục 2

CÁC MẪU BẢN KHAI VÀ HƯỚNG DẪN KÊ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

(Kèm theo Thông tư số 24/2010/TT-BTTTT ngày 28 tháng 10 năm 2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

Mẫu 1a

Số:	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN KHAI

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHO THIẾT BỊ VTĐ 1. Thuộc nghiệp vụ cố định (trừ các đài vi ba).

2. Thuộc nghiệp vụ di động hàng hải, di động hàng không như: đài bờ (không liên lạc qua vệ tinh), trạm mặt đất hàng không, đảo đèn, ...(trừ các đài tàu biển, tàu bay).

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. TÊN TỔ CHỨC (HOẶC CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP				
1.1. Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu (nếu là cá nhân)	Số		Ngày cấp	
	Cấp tại			
1.2. Số Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số Giấy chứng nhận đầu tư (nếu là tổ chức)	Số		Ngày cấp	
	Cơ quan cấp			
1.3. Tài khoản	Số			
	Ngân hàng			
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu		( ) Đồng ý ( ) Không đồng ý	

<table>
<tr><td>1.4. Địa chỉ liên lạc</td><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td>1.5. Số FAX/số điện thoại</td><td colspan="2"></td><td>1.6. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/email)</td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="3">1.7. Số Giấy phép hoạt động báo chí/Giấy phép viễn thông</td><td>Số</td><td></td><td>Ngày cấp</td><td></td></tr>
<tr><td>Cơ quan cấp</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td>Thời hạn sử dụng</td><td colspan="3">từ ngày đến ngày</td></tr>
<tr><td rowspan="4">2. TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ</td><td colspan="4">( ) Cấp mới cho..... thiết bị (..... tờ của Phụ lục 1)</td></tr>
<tr><td colspan="4">( ) Gia hạn cho..... giấy phép số..... (..... tờ của Phụ lục 2)</td></tr>
<tr><td colspan="4">( ) Bổ sung hoặc thay đổi cho..... giấy phép (..... tờ của Phụ lục 1)</td></tr>
<tr><td colspan="4">( ) Ngừng..... giấy phép số..... (..... tờ của Phụ lục 3)</td></tr>
<tr><td>3. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG</td><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td colspan="5">4. TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT
4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.
4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng hải, di động hàng không phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.
4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.
4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.</td></tr>
</table>

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên và đóng dấu)

Làm tại....., ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên

Phụ lục 1

THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC

☐ Cấp mới ☐ Sửa đổi, bổ sung

Tờ số:...../tổng số tờ của Phụ lục 1:.....

1. Tham số kỹ thuật của thiết bị thu sóng vô tuyến điện:

Thiết bị thu / Tham số kỹ thuật			
1.1. Băng tần số			
1.2. Độ nhạy (dBm)			

2. Tham số kỹ thuật và khai thác của thiết bị phát sóng vô tuyến điện:

Thiết bị phát / Tham số kỹ thuật				
2.1. Các mức công suất phát				
2.2. Kiểu điều chế				
2.3. Phương thức phát				
2.4. Dải tần thiết bị	Phát			
	Thu			
2.5. Dải thông (kHz) hoặc tốc độ truyền (Kb/s)				
2.6. Tổn hao Fider (dB/m)				
2.7. Địa điểm đặt thiết bị phát sóng VTĐ				
2.8. Ăng-ten	a. Kiểu			
	b. Kích thước (m)			
	c. Dải tần làm việc			
	d. Độ cao so với mặt đất (m)			

	đ. Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°)			
	e. Hệ số khuếch đại (dBi)			
	g. Kinh độ (° ' " E)			
	h. Vĩ độ (° ' " N)			
	i. Hướng tính	D ( )/ND ( )	D ( )/ND ( )	D ( )/ND ( )
	k. Phân cực			
2.9. Hô hiệu đề nghị				
2.10. Giờ hoạt động				
2.11. Đối tượng liên lạc				
2.12. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép				
2.13. Mục đích sử dụng				
2.14. Bổ sung/Thay thế/Hủy bỏ				
3. Sử dụng mã hóa (khi dùng chung tần số)			( ) Có. Loại mã:..... ( ) Không.	
4. Tổng số thiết bị trong mạng				
5. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG				

Phụ lục 2

GIA HẠN GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Tờ số:.............../tổng số tờ của Phụ lục 2:.........

STT	**Số giấy phép**	**Ngày hết hạn**	**Thời gian gia hạn** (gia hạn đến hết ngày......)

Phụ lục 3

THÔNG BÁO NGỪNG SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Tờ số:.............../tổng số tờ của Phụ lục 3:.........

STT	Số giấy phép	Ngày hết hạn	Ngày ngừng sử dụng

HƯỚNG DẪN
KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VTĐ (MẪU 1a)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

*** Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông,**
115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục

*** Khu vực 1:** 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 04.35564919; 04.35564895;
Fax: 04.35564913

*** Khu vực 2:** Lô 6 - Khu E - Khu đô thị mới An phú An Khánh - Phường An Phú - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.37404179;
Fax: 08.37404966

*** Khu vực 3:** Lô C1- Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An Trung - Quận Sơn Trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0511.3933545;
Fax: 0511.3933707

*** Khu vực 4:** 386A - Cách mạng tháng 8, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 071.88336; 071.883334;
Fax: 0710.3887087

*** Khu vực 5:** 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.827855; 031.827420;
Fax: 031.3827420

*** Khu vực 6:** Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 038.3833511;
Fax: 038.3849518

*** Khu vực 7:** Số 1 - Đường Phan Chu Trinh - Phường Xương Huân - TP. Nha Trang.
Điện thoại: 058.3814061; 058.3814063;
Fax: 058.3824410.

*** Khu vực 8:** Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.384503; 384507.
Fax: 0210.3840504.

- Để trống những mục không phải điền.

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1a: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị VTĐ; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp cho các thiết bị vô tuyến điện riêng lẻ thuộc nghiệp vụ cố định (trừ các đài vi ba); thuộc nghiệp vụ lưu động hàng hải, lưu động hàng không như: đài bờ (không liên lạc với vệ tinh), trạm mặt đất hàng không, đảo đèn,...(trừ các đài tàu biển, tàu bay) và các trường hợp ngoài phạm vi áp dụng các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1f, 1g, 1h, 1i, 1k.

Số: kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa họ tên của cá nhân hoặc tên hợp pháp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Chỉ áp dụng đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số chứng minh thư (hộ chiếu), ngày cấp, nơi cấp đối với cá nhân là người Việt Nam đề nghị cấp giấy phép; ghi theo hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.2. Chỉ áp dụng đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số Giấy chứng nhận đầu tư.

Điểm 1.3. Áp dụng đối với cả tổ chức và cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số tài khoản và ghi tên ngân hàng mở tài khoản. Đánh dấu "X" vào ô "Đồng ý" hoặc "Không đồng ý" nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.4. Ghi địa chỉ thường trú của cá nhân hoặc địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức.

Điểm 1.5. Ghi số fax/số điện thoại của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng)

Điểm 1.6. Chỉ áp dụng đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai

Điểm 1.7. Chỉ áp dụng cho trường hợp quy định của pháp luật về báo chí hoặc viễn thông yêu cầu cần phải có giấy phép hoạt động báo chí hoặc giấy phép viễn thông tương ứng.

Điểm 2. Tổng hợp thông tin đề nghị:

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng thiết bị đề nghị cấp giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho cấp mới vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1.

- Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" khi tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép và ghi rõ số lượng giấy phép và tổng số tờ của Phụ lục 2 vào chỗ trống. Khai các thông số trong Phụ lục 2 dành cho gia hạn. Trường hợp đề nghị gia hạn số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép và thời gian đề nghị gia hạn vào chỗ trống của dòng khai dành cho gia hạn, không cần khai trong Phụ lục 2.

- Đánh dấu "X" vào ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kỳ nội dung nào trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp sửa đổi, bổ sung.

- Đánh dấu "X" vào ô "Ngừng" khi giấy phép còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị ngừng sử dụng. Ghi số lượng giấy phép đề nghị ngừng sử dụng và tổng số tờ của Phụ lục 3 vào chỗ trống. Trường hợp đề nghị ngừng số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép vào chỗ trống của dòng khai dành cho ngừng sử dụng và không cần khai Phụ lục 3.

Điểm 3: Ghi các thông tin cần bổ sung (nếu có).

Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật, khai thác

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới' hoặc ô "sửa đổi, bổ sung" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Phụ lục 1 khi đề nghị cấp mới. Mỗi tờ khai của Phụ lục được dùng để kê khai cho 3 loại thiết bị (kê khai tên thiết bị) tương ứng với 3 cột. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị. Các thiết bị cùng loại, có thông số giống nhau kê khai một lần vào một cột và ghi rõ số lượng thiết bị bên cạnh. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Phụ lục.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Phụ lục 1 khi bổ sung, sửa đổi. Mỗi giấy phép cần sửa đổi, bổ sung khai vào một cột; ghi rõ số giấy phép, tên thiết bị vào hàng đầu tiên của cột (riêng đài bờ sử dụng tần số thuộc dải VHF dành cho nghiệp vụ di động hàng hải áp dụng hướng dẫn tại Mục 2.14 dưới đây). Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo.

- Ghi tên thiết bị đề nghị cấp mới vào hàng thứ nhất của các cột.

1. Tham số kỹ thuật của thiết bị thu sóng VTĐ:

1.1. Băng tần số: Là băng tần số mà thiết bị làm việc.

1.2. Độ nhạy: Là độ nhạy của thiết bị được tính theo đơn vị dBm.

2. Tham số kỹ thuật và khai thác của thiết bị phát sóng VTĐ:

2.1. Các mức công suất phát: Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo như: công suất cực đại, công suất cực tiểu, công suất danh định,...

2.2. Kiểu điều chế: Kê khai kiểu điều chế của thiết bị như: AM, FM, PSK, FSK,...

2.3. Phương thức phát: Kê khai các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

2.4. Dải tần thiết bị: Là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

2.5. Dải thông hoặc Tốc độ truyền: Khai độ chiếm dụng băng tần của một kênh (theo đơn vị kHz) hoặc khai tốc độ truyền của thiết bị đó (theo đơn vị Kb/s).

2.6. Tổn hao Fider (dB): Bằng tổn hao trên 1 mét Fider (dB/m) nhân với chiều dài Fider (m).

2.7. Địa điểm đặt thiết bị phát sóng VTĐ:

- Đối với thiết bị đặt cố định, khai đầy đủ số nhà, đường phố, phường (xã), quận (huyện), thành phố (tỉnh).

- Đối với thiết bị lưu động, khai đầy đủ lưu động bằng phương tiện cụ thể (ví dụ: ôtô, tàu hỏa,...), lưu động trong phạm vi nào.

2.1. Ăng-ten phát:

a) Kiểu ăng-ten: Khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo Catalog (VD: Loga-chu kỳ, AD-22/C, Trival). Trong trường hợp không khai được đầy đủ như trên thì phải ghi rõ an ten thuộc loại nào (ví dụ: Loga-chu kỳ, Yagi, Dipol, ăng-ten khe nửa sóng, dàn chấn tử đồng pha, v.v...);

b) Kích thước: Là độ dài của ăng-ten hoặc đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m);

c) Dải tần làm việc: Khai dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được với các chỉ tiêu kỹ thuật đã cho;

d) Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m);

đ) Góc phương vị của hướng bức xạ chính: là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ;

e) Hệ số khuếch đại: Tính theo đơn vị dBi;

g, h) Kinh độ, vĩ độ: ghi theo độ, phút, giây của thiết bị đặt cố định;

i) Hướng tính: Đánh dấu "X" vào các chỗ trống, D tương ứng với có hướng, ND tương ứng với vô hướng;

k) Phân cực: Khai phân cực của an ten như thẳng đứng, nằm ngang, phân cực tròn,...

2.9. Hô hiệu đề nghị: là hô hiệu do tổ chức, cá nhân tự đề nghị để thuận tiện trong công việc, hoặc đề nghị theo dãy hô hiệu được Quốc tế phân chia cho Việt Nam sử dụng (lưu ý: khi hoạt động sẽ phải sử dụng các hô hiệu đã được cấp phép).

2.10. Giờ hoạt động: Khai giờ hoạt động của thiết bị trong ngày. Ví dụ: từ 5 giờ đến 14 giờ. Nếu khai thác liên tục 24/24, ghi là H24. Nếu hoạt động vào các giờ bất kỳ trong ngày, ghi là Hx.

2.11. Đối tượng liên lạc: ghi rõ hô hiệu của các đài vô tuyến điện có truyền thông tin vô tuyến điện với nhau.

2.12. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép tần số và thiết bị phát sóng VTĐ ghi theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị sử dụng.

2.13. Ghi rõ sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ cho mục đích: Phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu, dự phòng,...

2.14. Chỉ áp dụng đối với đài bờ sử dụng tần số thuộc dải VHF dành cho nghiệp vụ di động hàng hải khi sửa đổi, bổ sung.

- Ghi bổ sung đối với thiết bị mới bổ sung vào mạng và khai đầy đủ các thông số.

- Ghi thay thế cho thiết bị (cụ thể: loại thiết bị nào, địa điểm đặt trong giấy phép cũ) đối với trường hợp thay thế thiết bị cũ bằng thiết bị mới và khai đầy đủ các thông số nếu là thiết bị thuộc loại mới.

- Ghi hủy bỏ đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ thiết bị loại nào, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

3. Chỉ áp dụng đối với đài bờ trong trường hợp dùng chung tần số theo quy định. Đánh dấu "X" vào ô "có" hoặc "không" nếu có/không sử dụng mã hóa. Ghi loại mã đề nghị sử dụng.

4. Chỉ áp dụng đối với đài bờ sử dụng tần số thuộc dải VHF dành cho nghiệp vụ di động hàng hải. Ghi tổng số thiết bị trong mạng.

5. Kê khai các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục 2: Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị gia hạn. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị gia hạn, ngày hết hạn của giấy phép, thời gian gia hạn (gia hạn đến hết ngày, ví dụ: 03/12/2015).

Phụ lục 3: Thông báo ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị ngừng sử dụng. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị ngừng sử dụng, ngày hết hạn của giấy phép, ngày bắt đầu ngừng sử dụng (ví dụ: 03/12/2015).

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Mẫu 1b

Số:	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN
(Đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư)

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. TÊN TỔ CHỨC HOẶC CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP				
1.1. Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu (nếu là cá nhân đề nghị cấp giấy phép)	Số		Ngày cấp	
	Cấp tại			
1.2. Số Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số Giấy chứng nhận đầu tư (nếu là tổ chức đề nghị cấp giấy phép)	Số		Ngày cấp	
	Cơ quan cấp			
1.3. Tài khoản	Số			
	Ngân hàng			
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	( ) Đồng ý ( ) Không đồng ý		
1.4. Địa chỉ liên lạc				
1.5. Số FAX/số điện thoại		1.6. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/email)		

2. TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ	( ) Cấp mới cho..... thiết bị (..... tờ của Phụ lục 1)
	( ) Gia hạn cho..... giấy phép số..... (..... tờ của Phụ lục 2)
	( ) Bổ sung hoặc thay đổi cho..... giấy phép (..... tờ của Phụ lục 1)
	( ) Ngừng..... giấy phép số..... (..... tờ của Phụ lục 3)
3. THÔNG TIN BỔ SUNG	

4. TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT

4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.

4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên và đóng dấu)

Làm tại....., ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên

Phụ lục 1

THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC

☐ Cấp mới ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số.....

Tờ số:...../tổng số tờ của Phụ lục 1:.....

1. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN			
1.1. Loại thiết bị/Hãng sản xuất			
1.2. Thông số kỹ thuật (thiết kế/đề nghị sử dụng)	Băng tần hoặc tần số (kHz/MHz)	Phương thức phát/Dải thông (kHz)	Công suất phát (W)
Thiết kế			
Đề nghị			
1.3. Địa điểm đặt thiết bị			
2. KHAI THÁC NGHIỆP VỤ VTĐ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH	( ) Có. Tên vệ tinh:.....		
	( ) Không		
3. HÔ HIỆU ĐỀ NGHỊ			
4. ĐÀI LIÊN LẠC			
5. GIỜ HOẠT ĐỘNG			
6. CHỨNG CHỈ KHAI THÁC VIÊN VÔ TUYẾN ĐIỆN NGHIỆP DƯ			
6.1. Loại			
6.2. Ngày cấp và thời hạn hiệu lực của chứng chỉ			
7. THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	từ ngày..... đến hết ngày.....		
8. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG			

Phụ lục 2

GIA HẠN GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Tờ số:............../tổng số tờ của Phụ lục 2:.............

STT	Số giấy phép	Ngày hết hạn	Thời gian gia hạn (gia hạn đến hết ngày)

Phụ lục 3

THÔNG BÁO NGỪNG SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Tờ số:.............../tổng số tờ của Phụ lục 3:..............

STT	Số giấy phép	Ngày hết hạn	Ngày ngừng sử dụng

HƯỚNG DẪN
KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VTĐ
(Đối với đài VTĐ nghiệp dư - Mẫu 1b)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

*** Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông,**
115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 5564981; 5564897; Fax: 5564930
Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục

*** Khu vực 1:** 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 5564919; 5564895;
Fax: 5564913

*** Khu vực 2:** 8A - D2 - Văn Thánh Bắc - P25 - Bình thạch - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.8982325; 08.8035234;
Fax: 08.8982327

*** Khu vực 3:** Lô C1- Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An Trung - Quận Sơn Trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0511.933356; 0511.933626;
Fax: 0511.933707

*** Khu vực 4:** 386A - Cách mạng tháng 8, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 071.88336; 071.883334;
Fax: 071.832760

*** Khu vực 5:** 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.827855; 031.827420;
Fax: 031.827857

*** Khu vực 6:** Số 19 Đại lộ 3/2 - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 038.833511; Fax: 038.849518

*** Khu vực 7:** Số 1 - Đường Phan Chu Trinh - Phường Xương Huân - TP. Nha Trang.
Điện thoại: 058. 814061; 814063
Fax: 058.824410.

*** Khu vực 8:** Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210. 384503; 384507.
Fax: 0210. 3840504.

- Để trống những mục không phải điền.

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1b: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp cho các đài VTĐ thuộc nghiệp vụ VTĐ nghiệp dư.

Số: kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết họ tên cá nhân hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp giấy phép bằng chữ in hoa.

Điểm 1.1. Chỉ áp dụng đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số chứng minh thư (hộ chiếu), ngày cấp, nơi cấp. đối với cá nhân là người Việt Nam đề nghị cấp giấy phép; ghi theo hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.2. Chỉ áp dụng đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số Giấy chứng nhận đầu tư.

Điểm 1.3. Áp dụng đối với cả tổ chức và cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số tài khoản và ghi tên ngân hàng mở tài khoản. Đánh dấu "X" vào ô "Đồng ý" hoặc "Không đồng ý" nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.4. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở của tổ chức

Điểm 1.5. Ghi số fax/số điện thoại của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép

Điểm 1.6. Chỉ áp dụng đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai.

Điểm 2. Tổng hợp thông tin đề nghị:

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng thiết bị đề nghị cấp giấy phép và số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho cấp mới (tương ứng với số lượng thiết bị) vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp cấp mới.

- Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" khi tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép và ghi rõ số lượng giấy phép và tổng số tờ của Phụ lục 2 vào chỗ trống. Khai các thông số trong Phụ lục 2 dành cho gia hạn. Trường hợp đề nghị gia hạn số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép và thời gian đề nghị gia hạn vào chỗ trống của dòng khai dành cho gia hạn, không cần khai trong Phụ lục 2.

- Đánh dấu "X" vào ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kỳ nội dung nào trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp sửa đổi, bổ sung.

- Đánh dấu "X" vào ô "Ngừng" khi giấy phép còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị ngừng sử dụng. Ghi số lượng giấy phép đề nghị ngừng sử dụng và tổng số tờ của Phụ lục 3 vào chỗ trống. Trường hợp đề nghị ngừng số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép vào chỗ trống của dòng khai dành cho ngừng sử dụng và không cần khai Phụ lục 3.

Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật và khai thác

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới' hoặc ô "sửa đổi, bổ sung" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.

- Mỗi tờ khai của Phụ lục được dùng để kê khai cho 1 đài vô tuyến điện. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều đài. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ và tổng số tờ của Phụ lục.

- Khai báo tất cả các thông số trong Phụ lục 1 khi đề nghị cấp mới.

- Chỉ khai báo thông số sửa đổi, bổ sung trong Phụ lục 1 khi đề nghị bổ sửa đổi, bổ sung. Các thông số giữ nguyên không cần khai báo.

1. Không ghi

1.1. Ghi tên thiết bị và hãng sản xuất

1.2. Ghi thông số kỹ thuật vào các cột tương ứng.

- Phương thức phát: Kê khai tất cả các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;....

- Dải thông: Khai độ chiếm dụng băng tần của một kênh (theo đơn vị kHz)

- Băng tần/tần số: Kê khai băng tần số hoặc tần số mà thiết bị được chế tạo làm việc; băng tần hoặc tần số mà tổ chức, cá nhân đề nghị.

- Công suất phát: Khai các mức công suất được thiết kế, chế tạo của thiết bị.

1.3. Ghi địa điểm lắp đặt thiết bị: khai đầy đủ số nhà, đường phố, phường (xã), quận (huyện), thành phố (tỉnh).

2. Khai thác nghiệp vụ VTĐ nghiệp dư qua vệ tinh

- Đánh dấu "X" vào ô "Có" nếu giấy phép được dùng để khai thác nghiệp vụ VTĐ nghiệp dư qua vệ tinh và ghi tên của vệ tinh.

- Đánh dấu "X" vào ô "Không" nếu không khai thác nghiệp vụ VTĐ nghiệp dư qua vệ tinh.

3. Ghi hô hiệu theo dãy hô hiệu VTĐ nghiệp dư được Quốc tế phân chia cho Việt Nam sử dụng.

4. Ghi hô hiệu hoặc tên của các đài vô tuyến điện nghiệp dư có thiết lập liên lạc vô tuyến điện với đài đề nghị cấp giấy phép.

5. Ghi giờ liên lạc đề nghị, nếu liên lạc vào giờ bất kỳ trong ngày thì ghi "Hx", nếu liên lạc tất cả thời gian trong ngày thì ghi "H24".

6. Chứng chỉ khai thác viên VTĐ nghiệp dư do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp hoặc Cơ quan chủ quản VTĐ nghiệp dư nước ngoài cấp được Bộ Thông tin và Truyền thông công nhận.

6.1. Ghi rõ trình độ của Chứng chỉ khai thác viên VTĐ nghiệp dư (cấp 1/cấp 2/ cấp 3/cấp 4).

6.2. Ghi rõ ngày cấp và thời hạn có hiệu lực của chứng chỉ.

7. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: ghi theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị sử dụng.

8. Ghi các thông tin bổ sung nếu có bổ sung.

Phụ lục 2: Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị gia hạn. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị gia hạn, ngày hết hạn của giấy phép, thời gian gia hạn (gia hạn đến hết ngày, ví dụ: 03/12/2015).

Phụ lục 3: Thông báo ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị ngừng sử dụng. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị ngừng sử dụng, ngày hết hạn của giấy phép, ngày bắt đầu ngừng sử dụng (ví dụ: 03/12/2015).

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Mẫu 1c

Số:	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN
(Đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá)

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. TÊN TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP:				
1.1. Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu (nếu là cá nhân đề nghị cấp giấy phép)	Số		Ngày cấp	
	Cấp tại			
1.2. Số Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số Giấy chứng nhận đầu tư (nếu là tổ chức đề nghị cấp giấy phép)	Số		Ngày cấp	
	Cơ quan cấp			
1.3. Tài khoản	Số			
	Ngân hàng			
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	( ) Đồng ý ( ) Không đồng ý		
1.4. Địa chỉ liên lạc				
1.5. Số FAX/số điện thoại		1.6. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động)		

2. TÊN CHỦ PHƯƠNG TIỆN NGHỀ CÁ	
3. TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ	( ) Cấp mới cho..... thiết bị (..... tờ của Phụ lục 1)
	( ) Gia hạn cho..... giấy phép số..... (..... tờ của Phụ lục 2)
	( ) Bổ sung hoặc thay đổi cho..... giấy phép (..... tờ của Phụ lục 1)
	( ) Ngừng..... giấy phép số..... (..... tờ của Phụ lục 3)
4. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG	

5. TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT

5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.

5.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

5.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan (đối với tổ chức) hoặc xác nhận của UBND phường, xã nơi ở hiện tại (dùng cho trường hợp cá nhân không có chứng minh thư) (Ký tên và đóng dấu)

Làm tại....., ngày... tháng... năm...
Người khai ký, ghi rõ họ tên

Phụ lục 1

THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC

☐ Cấp mới cho phương tiện nghề cá..... ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số.....

Tờ số:...../tổng số tờ của Phụ lục 1:.....

LOẠI THIẾT BỊ (MF, HF, VHF)	TÊN THIẾT BỊ	BỔ SUNG/ THAY THẾ/ HỦY BỎ	DẢI TẦN HOẠT ĐỘNG từ....đến... (MHz)	PHƯƠNG THỨC PHÁT	CÔNG SUẤT PHÁT (W)
THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	từ ngày..... đến ngày.....				
THÔNG TIN BỔ SUNG					

Phụ lục 2

GIA HẠN GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Tờ số:.............../tổng số tờ của Phụ lục 2:..............

STT	**Số giấy phép**	**Ngày hết hạn**	**Thời gian gia hạn** (gia hạn đến hết ngày...)

Phụ lục 3

THÔNG BÁO NGỪNG SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Tờ số:.............../tổng số tờ của Phụ lục 3:..............

STT	Số giấy phép	Ngày hết hạn	Ngày ngừng sử dụng

HƯỚNG DẪN
KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ PHÁT SÓNG VTĐ (Mẫu 1c)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

*** Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông,**
115 Trần Duy Hưng - Hà Nội:
Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930
Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục

*** Khu vực 1:** 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 04.35564919; 04.35564895;
Fax: 04.35564913

*** Khu vực 2**: Lô 6 - Khu E - Khu đô thị mới An Phú An Khánh - Phường An Phú - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.37404179;
Fax: 08.37404966

*** Khu vực 3:** Lô C1- Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An Trung - Quận Sơn Trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0511.3933545;
Fax: 0511.3933707

*** Khu vực 4:** 386A - Cách mạng tháng 8, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 071.88336; 071.883334;
Fax: 0710.3887087

*** Khu vực 5:** 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.827855; 031.827420;
Fax: 031.3827420

*** Khu vực 6**: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 038.3833511;
Fax: 038.3849518

*** Khu vực 7**: Số 1 - Đường Phan Chu Trinh - Phường Xương Huân - TP. Nha Trang.
Điện thoại: 058.3814061; 058.3814063;
Fax: 058.3824410.

*** Khu vực 8**: Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.384503; 384507.
Fax: 0210.3840504.

- Để trống những mục không phải điền.

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1c: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép cho các đài VTĐ đặt trên phương tiện nghề cá hoạt động trên các băng tần quy hoạch cho phương tiện nghề cá.

Số: kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa tên hợp pháp của tổ chức hoặc họ tên của cá nhân đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Chỉ áp dụng đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số chứng minh thư (hộ chiếu), ngày cấp, nơi cấp. đối với cá nhân là người Việt Nam đề nghị cấp giấy phép; ghi theo hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.2. Chỉ áp dụng đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số Giấy chứng nhận đầu tư.

Điểm 1.3. Áp dụng đối với cả tổ chức và cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số tài khoản và ghi tên ngân hàng mở tài khoản. Đánh dấu "X" vào ô "Đồng ý" hoặc "Không đồng ý" nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.4. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân hoặc địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức.

Điểm 1.5. Ghi số fax/số điện thoại của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép

Điểm 1.6. Chỉ áp dụng đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai.

Điểm 2. Viết hoa họ tên của chủ phương tiện nghề cá hoặc tên hợp pháp của tổ chức là chủ phương tiện nghề cá

Điểm 3. Tổng hợp thông tin đề nghị:

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng phương tiện nghề cá đề nghị cấp mới và số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho cấp mới vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp cấp mới.

- Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" khi tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép và ghi rõ số lượng giấy phép và tổng số tờ của Phụ lục 2 vào chỗ trống. Khai các

thông số trong Phụ lục 2 dành cho gia hạn. Trường hợp đề nghị gia hạn số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép và thời gian đề nghị gia hạn vào chỗ trống của dòng khai dành cho gia hạn, không cần khai trong Phụ lục 2.

- Đánh dấu "X" vào ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kỳ nội dung nào trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp sửa đổi, bổ sung.

- Đánh dấu "X" vào ô "Ngừng" khi giấy phép còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị ngừng sử dụng. Ghi số lượng giấy phép đề nghị ngừng sử dụng và tổng số tờ của Phụ lục 3 vào chỗ trống. Trường hợp đề nghị ngừng số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép vào chỗ trống của dòng khai dành cho ngừng sử dụng và không cần khai Phụ lục 3.

Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật và khai thác

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới' hoặc ô "sửa đổi, bổ sung" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp cấp mới, đề nghị ghi số đăng ký của phương tiện đã được cơ quan có thẩm quyền cấp. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.

- Mỗi phương tiện nghề cá kê khai trong một tờ khai của Phụ lục. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai cho nhiều phương tiện nghề cá. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của từng tờ kèm theo tổng số tờ của Phụ lục.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Phụ lục 1 khi đề nghị cấp mới.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Phụ lục 1 khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo.

- Loại thiết bị, tên thiết bị: Kê khai loại thiết bị và tên của thiết bị trong trường hợp cấp mới hoặc bổ sung thiết bị.

- Công suất phát: Kê khai công suất phát theo đơn vị Watt (W)

- Dải tần hoạt động: Kê khai tất cả các dải tần hoạt động của thiết bị, ví dụ từ 150 đến 160 MHz; 165 đến 170 MHz...

- Phương thức phát: Kê khai tất cả các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: F3E; F1B; J3E;....

- Bổ sung/Thay thế/Hủy bỏ: chỉ dùng cho trường hợp sửa đổi, bổ sung

* Ghi bổ sung đối với thiết bị mới bổ sung vào và khai đầy đủ các thông số, số lượng thiết bị.

* Ghi thay thế cho thiết bị (cụ thể: thiết bị nào trong giấy phép cũ) đối với trường hợp thay thế thiết bị cũ bằng thiết bị mới và khai đầy đủ các thông số nếu thiết bị thay thế là thiết bị thuộc loại mới.

* Ghi hủy bỏ đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ thiết bị nào theo quy định của giấy phép đã được cấp.

- Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: ghi theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị sử dụng

- Thông tin bổ sung: kê khai nếu có thêm các thông tin ngoài các thông tin ở trên.

Phụ lục 2: Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị gia hạn. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị gia hạn, ngày hết hạn của giấy phép, thời gian gia hạn (gia hạn đến hết ngày, ví dụ: 03/12/2015).

Phụ lục 3: Thông báo ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị ngừng sử dụng. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị ngừng sử dụng, ngày hết hạn của giấy phép, ngày bắt đầu ngừng sử dụng (ví dụ: 03/12/2015).

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan. Đối với các cá nhân không có chứng minh thư, Hộ chiếu (hoặc mất) phải có xác nhận của UBND phường, xã nơi ở hiện tại.

(Xem tiếp Công báo số 696 + 697)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182
Fax : 080.44517
Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng